

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 06 - 8 - 2021

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 08/12/2020 về việc *“Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST ngày 08/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Phan Thị Bích Ng, sinh ngày 15/11/2011; cháu Phan Minh Th, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phan Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/11/2015; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ng, Th và Tr:

- Chị Phan Thị H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là mẹ cháu Ng, Th và Tr – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Phan Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn M, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là cha của cháu Ng, Th và Tr – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị H và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, Chị H, anh N vào Thôn M, xã Qu, huyện T, tỉnh Đắk Nông sinh sống với gia đình

chồng; đến năm 2012 thì anh, chị làm nhà ở riêng. Từ khi bắt đầu chung sống, anh Phan Văn N thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm và nhiều lần đánh đập Chị H, sự việc xảy ra, Chị H không có trình báo cơ quan đoàn thể và chính quyền địa phương. Hiện nay, chị đã không còn tình cảm với anh N; mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Chị H làm đơn ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị H và anh N có 03 con chung là cháu Phan Thị Bích Ng, sinh ngày 15/11/2011; cháu Phan Minh Th, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phan Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/11/2015, nguyện vọng Chị H muốn nuôi dưỡng 03 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay, Chị H làm công nhân và thu nhập 9.000.000 đồng/tháng.

Đối với tài sản chung và nợ chung thì anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Văn N: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh N đến trụ sở Toà án để giải quyết ly hôn với Chị H nhưng anh N vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Qu xác định: “*Anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã Qu, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương*”. Tòa án đã cùng chính quyền địa phương đến nhà anh N, tuy nhiên anh N vắng mặt nên không thể tổng đạt các văn bản tố tụng được. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N theo quy định. Tuy nhiên, anh N không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H ly hôn với anh Phan Văn N.

Về con chung: Giao cháu Phan Thị Bích Ng, sinh ngày 15/11/2011; cháu Phan Minh Th, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phan Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/11/2015 cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: do Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001320 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh N đăng ký thường trú tại Thôn M, xã Qu, huyện T do đó, đây là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: *Anh N chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương*; Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh N không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh N theo thủ tục chung nhưng anh không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 08/7/2021 và phiên tòa hôm nay, anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của Chị H với anh N; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 05/11/2011, chị Phan Thị H và anh Phan Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh N là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị H cho rằng, từ khi bắt đầu chung sống, anh Phan Văn N thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm và nhiều lần đánh đập Chị H; quá trình giải quyết vụ án, chị xác định đã không còn tình cảm với anh N, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Đối với anh N, khi Chị H nộp đơn khởi kiện yêu

cầu ly hôn, anh N cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh N vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa Chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Chị H với anh N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Phan Thị Bích Ng, sinh ngày 15/11/2011; cháu Phan Minh Th, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phan Thị Thanh Tr, sinh ngày 16/11/2015. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...”*. Do anh N vắng mặt nên không thỏa thuận được với Chị H về người trực tiếp nuôi con chung; hiện tại, cháu Ng, Th và Tr đang sống chung với Chị H; Chị H hiện có công việc và thu nhập ổn định. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Ng, Th và Tr cho Chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, anh N có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001320 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị H ly hôn với anh Phan Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Bích Ng, sinh ngày 15/11/2011; cháu Phan Minh Th, sinh ngày 23/12/2013 và cháu Phan Thị Thanh Tr, sinh ngày

16/11/2015 cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh Phan Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh N có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001320 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Quang Trung